

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo;
xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HĐĐH ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Quyết định số 07/QĐ-ĐHH ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Trưởng các Ban chức năng; Thủ trưởng các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch Hội đồng ĐHH;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, ĐTCTSV. NTN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh

QUY ĐỊNH

VỀ CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ THẠC SĨ TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ tại Đại học Huế.

2. Quy định này áp dụng đối với các Trường thành viên và các đơn vị thuộc Đại học Huế (sau đây gọi tắt là đơn vị đào tạo) và các cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của các ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ.

Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của ngành đó, bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

6. Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu mà người tốt nghiệp phải đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. Chương trình đào tạo trình độ bậc 8 là chương trình đào tạo mà người tốt nghiệp phải đạt trình độ tương ứng bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

8. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

9. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

10. Chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp có mục tiêu và nội dung theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

11. Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức dạy và học trong một học kỳ.

12. Khối kiến thức hay Mô đun (Module) của một chương trình đào tạo là một nhóm các học phần và các hoạt động dạy và học, nghiên cứu có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Mô đun được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, gồm: giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

Điều 3. Mục đích ban hành chuẩn chương trình đào tạo

1. Đại học Huế ban hành theo đúng thẩm quyền các quy định về mở ngành đào tạo, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, liên thông trong đào tạo, các tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo;

2. Đơn vị đào tạo xây dựng, thẩm định, ban hành, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xây dựng các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học, công nhận chương trình đào tạo của các đơn vị đào tạo khác; thực hiện trách nhiệm giải trình về chất lượng chương trình đào tạo;

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo; các bên liên quan và toàn xã hội giám sát hoạt động và kết quả đào tạo của đơn vị đào tạo.

Chương II

MỤC TIÊU, CẤU TRÚC, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của đơn vị đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của đơn vị đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 5. Các yêu cầu của chương trình đào tạo

Các yêu cầu chung về chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu: thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Điều 6. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo chi tiết

Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo chi tiết (theo mẫu ở Phụ lục I) bao gồm:

1. Thông tin chung

Thông tin chung của chương trình đào tạo bao gồm tên tiếng Việt và tiếng Anh của chương trình đào tạo, trình độ đào tạo, định hướng đào tạo, mã ngành đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, loại hình đào tạo, số tín chỉ tích lũy tối thiểu, thang điểm, điều kiện tốt nghiệp và văn bằng tốt nghiệp.

2. Mục tiêu

Mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo. Mục tiêu chung tuyên bố lý do tồn tại của chương trình đào tạo, trong đó xác định một cách chung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp cấp độ 1 (-X). Mục tiêu cụ thể cụ thể hoá mục tiêu chung, bao gồm các chuẩn đầu ra cấp độ 2 (-X.x).

3. Chuẩn đầu ra và trình độ, năng lực yêu cầu

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bao gồm kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm được cụ thể hoá ở cấp độ 3 (-X.x.x) (Thang đo trình độ, năng lực tham khảo tại Phụ lục II).

Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo tại Đại học Huế bao gồm:

a) Kiến thức, bao gồm các khối kiến thức sau:

- Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế:

+ Giáo dục chính trị (đối với trình độ đại học): Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp (Phụ lục III).

+ Giáo dục thể chất (đối với trình độ đại học): Có chứng chỉ/hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

+ Giáo dục Quốc phòng - An ninh (đối với trình độ đại học): Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh; vận dụng được các kiến thức quốc phòng – an ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 (đối với trình độ đại học) và 4/6 (đối với trình độ thạc sĩ) hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quy định chung của Đại học Huế.

+ Triết học (đối với trình độ thạc sĩ): Bổ sung và nâng cao các kiến thức về triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận trong việc nhận thức và nghiên cứu.

+ Công nghệ thông tin (đối với trình độ đại học): Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo (về kiến thức chung đặc trưng của lĩnh vực đào tạo, kiến thức khối ngành).

- Khối kiến thức chung của nhóm ngành (về kiến thức khoa học cốt lõi đặc trưng của nhóm ngành).

- Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành (nếu có), kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp (kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, thực tập, thực tế, niên luận, khóa luận, đồ án...).

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề (gồm khả năng phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp).

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức).

- Kỹ năng tư duy hệ thống (gồm khả năng phân tích vấn đề theo logic có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ).

- Kỹ năng nghề nghiệp (gồm các kỹ năng của ngành nghề được đào tạo).

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân (sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo...).

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp (đạo đức nghề nghiệp, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, tự học suốt đời...).

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm với xã hội (có trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, ủng hộ và bảo vệ cái đúng, sáng tạo và đổi mới).

Điều 7. Đề cương chi tiết học phần

1. Đề cương chi tiết học phần là tài liệu chứa những thông tin cần thiết về một học phần cụ thể để cấp quản lý đào tạo, giảng viên và sinh viên biết để thực hiện quá trình tổ chức giảng dạy và học tập.

2. Đề cương chi tiết học phần do giảng viên hoặc nhóm giảng viên dạy cùng một học phần biên soạn, thủ trưởng các đơn vị duyệt và thông báo cho sinh viên trước khi tổ chức giảng dạy học phần (theo mẫu tại Phụ lục IV).

Điều 8. Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thể hiện sự phân bổ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo vào các học phần liên quan nhằm thể hiện cụ thể những chuẩn đầu ra do từng học phần đảm trách. Ma trận chuẩn đầu ra đồng thời cũng thể

hiện trình tự học tập được hoạch định hay lộ trình hoàn thành các chuẩn đầu ra (theo mẫu tại Phụ lục V).

Chương III

XÂY DỰNG, CẢI TIẾN, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 9. Xây dựng chương trình đào tạo

1. Giám đốc Đại học Huế quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cho các đơn vị thuộc Đại học Huế.

2. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cho đơn vị thành viên.

3. Yêu cầu thành phần tham gia Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của đơn vị đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

4. Giám đốc Đại học Huế/Hiệu trưởng các trường thành viên (sau đây gọi chung là Thủ trưởng đơn vị đào tạo) quyết định tiêu chuẩn, số lượng, thành phần, cơ cấu và thành viên tham gia Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo; quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng và các thành viên Hội đồng.

5. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo được quy định tại Chương II của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các đơn vị đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần;

e) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

g) Có quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng

đào tạo;

h) Được Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo có ý kiến thông qua trước khi ban hành.

Điều 10. Thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo: là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ (tối thiểu 3 năm kinh nghiệm giảng dạy) đúng ngành hoặc ngành phù hợp đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có số thành viên là số lẻ, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai đơn vị đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động;

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định cụ thể tiêu chuẩn, số lượng, thành phần, cơ cấu và thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Yêu cầu thẩm định chương trình đào tạo:

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn chương trình đào tạo, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua.

3. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo ký quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo.

4. Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trước khi được sử dụng theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật Giáo dục đại học phải được thẩm định theo quy định tại Điều này.

Điều 11. Đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được đơn vị đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT;

b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi chuẩn đầu ra

phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá chương trình đào tạo;

c) Việc đánh giá phải phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo. Thủ trưởng các đơn vị đào tạo công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

Điều 12. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra bao gồm các bước sau:

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, các nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các Khoa (thuộc trường đại học) hay các Bộ môn (trong khoa trực thuộc) xây dựng chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo thuộc quản lý của Khoa (hay Bộ môn);

2. Các Khoa (hay Bộ môn) tổ chức xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên ... và hoàn thiện chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo;

3. Các Khoa (hay Bộ môn) gửi dự thảo chuẩn đầu ra để lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên ... (theo mẫu ở Phụ lục VI);

4. Các Khoa (hay Bộ môn) bổ sung, hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra ngành đào tạo trên cơ sở thu thập và phân tích ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên ... và báo cáo Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo;

5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tổ chức hội thảo, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo (theo mẫu ở Phụ lục VII);

6. Công bố dự thảo chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo trên website của đơn vị đào tạo để cán bộ quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các trường/khoa cùng khối ngành ... trong và ngoài đơn vị đào tạo cho ý kiến đóng góp;

7. Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo tiếp thu, hoàn thiện và trình thủ trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt ban hành. Chuẩn đầu ra hoàn chỉnh của các ngành đào tạo sau đó được báo cáo cho Đại học Huế bằng file mềm và bằng văn bản;

8. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo sau khi được phê duyệt sẽ được công bố công khai trên website của đơn vị đào tạo (theo mẫu ở Phụ lục I) và của Đại học Huế; được in trong sổ tay sinh viên, sổ tay cán bộ giảng viên, tờ rơi của đơn vị đào tạo.

Điều 13. Quy trình cập nhật chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra phải được rà soát, điều chỉnh và bổ sung định kỳ, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của xã hội, của người sử dụng lao động.

Quy trình cập nhật chuẩn đầu ra bao gồm các bước sau:

1. Lập kế hoạch cập nhật chuẩn đầu ra;
2. Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chuẩn đầu ra (những thay đổi trong quy định Nhà nước, của Đại học Huế, của đơn vị đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn ...);
3. Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chuẩn đầu ra đang thực hiện (đáp ứng so với chương trình đào tạo và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy ...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chuẩn đầu ra;
4. Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo xem xét thông qua;
5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra và trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt ban hành chuẩn đầu ra sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết Hội đồng Khoa học và Đào tạo quyết định việc thẩm định chuẩn đầu ra sửa đổi, bổ sung.

Điều 14. Tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra

1. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm, Trưởng Khoa (thuộc trường đại học) hay Trưởng Bộ môn (trong khoa thuộc) chuyên môn phải tổ chức đánh giá chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo quy định (từ bước 1 đến bước 4 của Điều 6). Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chuẩn đầu ra được thực hiện theo Quy định này hoặc theo quy trình rút gọn hơn và tổ chức đơn giản hơn, tùy mức độ sửa đổi, cập nhật;
2. Thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành chuẩn đầu ra cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp đơn vị đào tạo sau khi chuẩn đầu ra được đánh giá.

Chương IV

KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Kiểm tra, thanh tra

Đại học Huế sẽ thực hiện kiểm tra, thanh tra và đánh giá việc tổ chức thực hiện các quy định về chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo của các đơn vị đào tạo theo Quy định này.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo và các cá nhân liên quan đến việc xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo vi phạm quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.
2. Các trường hợp vi phạm sau đây sẽ bị xử lý kỷ luật:

a) Không đảm bảo chuẩn đầu ra tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

b) Không thực hiện đúng quy trình về xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các ngành học trình độ đại học, trình độ thạc sĩ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung quy định nào không phù hợp, còn thiếu, các đơn vị phản ánh để Đại học Huế xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Linh

Phụ lục I

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)

ĐẠI HỌC HUẾ
TÊN TRƯỜNG/KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):
- Trình độ đào tạo:
- Định hướng đào tạo:
- Mã ngành đào tạo:
- Thời gian đào tạo:
- Loại hình đào tạo:

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung (viết tối đa 50 từ)

(tuyên bố tổng quát về lý tồn tại của chương trình đào tạo, trong đó xác định mục tiêu tổng quát của chương trình đào tạo: năng lực về kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp... cấp độ một -X)

1.2. Mục tiêu cụ thể (viết tối đa 100 từ)

(cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ hai [X.x])

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

(bao gồm các chủ đề chuẩn đầu ra cấp độ ba X.x.x và trình độ năng lực yêu cầu – theo thang 6 bậc của Bloom)

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm)

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế	
1.1.1		
...		
1.2	Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo	
1.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
1.3	Kiến thức chung cho nhóm ngành	
1.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.4	Kiến thức ngành/chuyên ngành và bổ trợ	
1.4.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
1.5	Kiến thức thực tập và tốt nghiệp/Luận văn	
1.5.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
2.	Kỹ năng	
2.1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	
2.1.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	
2.2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	
2.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
2.3	Kỹ năng tư duy hệ thống	
2.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
2.4	Kỹ năng nghề nghiệp	
2.4.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...		
3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân	
3.1.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	
3.2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp	
3.2.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	
3.3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội	
3.3.1	(tối đa 10 mục tiêu cấp X.x.x)	
...	...	

3. Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào)
4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
5. Cấu trúc của chương trình đào tạo
6. Cách thức đánh giá
7. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra
8. Kế hoạch đào tạo

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, Họ tên)

Phụ lục II

THANG TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)

Thang trình độ năng lực là một công cụ nền tảng để từ đó xây dựng và sắp xếp các mục tiêu giáo dục; xây dựng các chương trình, quy trình giáo dục và đào tạo; xây dựng và hệ thống hóa các câu hỏi, bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá quá trình học tập. Thang trình độ năng lực được phân thành 3 nhóm: nhóm thang đo kiến thức, nhóm thang đo kỹ năng và nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm. Thang trình độ năng lực được lượng hóa theo các giá trị từ 1 đến 5 để thể hiện mức độ sinh viên cần đạt được khi tốt nghiệp đối với mỗi chuẩn đầu ra.

Lượng hóa thang trình độ năng lực	Thang trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 1956)	Mức độ đối với nhóm thang đo kỹ năng (Simpson, 1972)	Mức độ đối với nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krahwohl, 1973)
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua		Nhận thức	
			Thiết lập	
2	Có thể tham gia và đóng góp	Nhớ	Làm theo hướng dẫn	Tiếp nhận hiện tượng
3	Có thể hiểu và giải thích	Hiểu	Thuần thực	Phản hồi hiện tượng
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai	Vận dụng	Thành thạo kỹ năng phức tạp	Nhận biết giá trị
		Phân tích	Thích ứng	
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo	Tổng hợp	Phát minh	Tổ chức
		Đánh giá		Tiếp thu giá trị

Sau đây là bảng đối sánh giữa thang trình độ năng lực và mức độ đối với các nhóm thang đo kiến thức, nhóm thang đo kỹ năng, nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm; danh sách các động từ thường hay sử dụng đối với mỗi mức độ và ví dụ cụ thể trong sử dụng các động từ cho chuẩn đầu ra. Bên cạnh những động từ gợi ý, chúng ta có thể sử dụng các động từ có nghĩa tương đương với những động từ được gợi ý.

Nhóm thang đo kiến thức: liên quan đến kiến thức và lập luận của người học. Nhóm thang đo kiến thức được sử dụng để lượng hóa cho các chuẩn về kiến thức.

Lượng hóa thang trình độ năng lực	Thang trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kiến thức (Bloom, 1956)	Động từ sử dụng trong viết chuẩn đầu ra	Ví dụ
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua		- Nhắc lại - Mô tả lại - ...	

2	Có thể tham gia vào và đóng góp	Biết	Định nghĩa, Mô tả, Xác định, nhận dạng, Dán nhãn, Liệt kê, Đối sánh, Kể tên, Phác thảo, lập dàn ý, Nhắc lại, Nhận biết, nhận dạng, Sao chép, mô phỏng, Lựa chọn, Nêu rõ, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên các bộ truyền cơ khí thông dụng. - Mô tả được đặc điểm và cấu trúc của hệ hô hấp. - Liệt kê các thành phần cấu tạo cơ bản của máy tính điện tử.
3	Có thể hiểu và giải thích	Hiểu	Chuyển đổi, Bảo vệ, Phân biệt, Ước tính, Giải thích, Mở rộng, Khái quát hóa, tổng hợp, Nêu ví dụ, Suy ra, Giải thích, dịch, Diễn giải, Dự đoán, Viết lại, Tóm lược, tóm tắt, Diễn dịch, chuyển ngữ, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích chức năng, cấu trúc và các thành phần của hệ thống cơ xương. - Tóm tắt những đặc trưng của hệ thống truyền động cơ khí. - Phân biệt bộ nhớ chính và bộ nhớ thứ cấp của máy tính điện tử.
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai	Áp dụng	Áp dụng, Thay đổi, Tính toán, ước tính, Kiến tạo, Trình diễn, Khám phá, sáng tạo, Điều khiển bằng tay, thao tác, Sửa đổi, điều chỉnh, Vận hành, Dự đoán, Chuẩn bị, Chế tạo, Liên hệ, Chứng tỏ, cho thấy, Giải quyết, Sử dụng, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thấy khả năng sử dụng thiết bị phân tích ô nhiễm trong khí xả động cơ đốt trong. - Sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong thuyết trình. - Chuyển đổi được các số giữa các hệ đếm.
		Phân tích	- Phân tích, Phân nhỏ, So sánh, Đối chiếu, Sơ đồ hóa, thể hiện bằng đồ thị, Phân rã, Phân biệt, Xác định, Minh họa, Suy ra, phỏng đoán, Phác thảo, lập dàn ý, Liên hệ, Lựa chọn, Bóc tách, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích hoạt động của thiết bị tự động. - Phác thảo được những điểm chính của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018. - So sánh sự khác nhau giữa bộ nhớ ROM và RAM
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo	Tổng hợp	Phân loại, Kết hợp, Biên soạn, Sáng tạo, Sáng chế, Thiết kế, Tạo ra, Điều chỉnh, Tổ chức, Lập kế hoạch, Sắp xếp lại, Tái cấu trúc, Liên hệ, Tổ chức lại, Rà soát, điều chỉnh, Viết lại, Tóm tắt, Cho biết, cho ý kiến, Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất những giải pháp tiết kiệm năng lượng trong thiết kế động cơ máy. - Tổ chức truyền thông cho sự kiện văn hóa nghệ thuật.

			báo cáo, dự thảo, ...	
		Đánh giá	Đánh giá, So sánh, Kết luận, Đối chiếu, Phê bình, Bảo vệ, Mô tả, Phân biệt, Đánh giá, Giải thích, Giải thích, dịch, Biện minh, Liên hệ, Tóm tắt, Hỗ trợ, chứng minh, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chiến lược nghiên cứu khoa học đối với sự phát triển của khoa Công nghệ thông tin. - Đánh giá vai trò của hoạt động thực tế trong dạy và học ở trường đại học.

Nhóm thang đo kỹ năng: liên quan đến các kỹ năng đòi hỏi sự vận động và thao tác của người học. Nhóm thang đo kỹ năng được sử dụng để lượng hóa cho các chuẩn về kỹ năng.

Lượng hóa thang trình độ năng lực	Thang trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo kỹ năng (Simpson, 1972)	Động từ sử dụng trong viết chuẩn đầu ra	Ví dụ
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua	Nhận thức	Lựa chọn, Mô tả, Nhận ra, Phân biệt, Xác định, Cô lập, Liên hệ, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra ý nghĩa của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp. - Điều chỉnh nhiệt độ lò nướng phù hợp thông qua mùi và màu của thức ăn. - Nhận biết được các nút và ký hiệu trên máy tính điện tử.
		Thiết lập	Bắt đầu, Thể hiện, Giải thích, Di chuyển, Triển khai, Phản ứng, Cho thấy, thể hiện, Trình bày, Xung phong, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện mong muốn học hỏi cái mới - Xung phong thực hiện yêu cầu/thử thách của người khác
2	Có thể tham gia vào và đóng góp	Làm theo hướng dẫn	Sao chép, mô phỏng, Sao chép hình vẽ, đồ lại, Làm theo, Phản ứng, Phản ứng, đáp ứng, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Làm theo hướng dẫn để có thể lắp hoàn chỉnh một mạch điện - Đáp ứng các báo hiệu bằng tay của giáo viên khi thấy tín hiệu đèn đỏ trong trường lái
3	Có thể hiểu và giải thích	Thuần thực	Lắp ráp, Định cỡ, Kiến tạo, Tháo dỡ, Trình diễn, thể hiện, Thắt chặt, Cố định, Xay, nghiền, Làm nóng, Thao tác, điều khiển bằng tay, Đo lường, Sửa chữa, Tổ chức, Vẽ	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác xử lý xe nhường đường cho một xe khác (khi không có thầy hướng dẫn) - Lắp ráp các bộ phận phân cứng thành một máy tính hoàn chỉnh.

			phác thảo, ...	
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai	Thành thạo kỹ năng phức tạp	Lắp ráp, Xây dựng, Định cỡ, Kiến tạo, Tháo dỡ, Trình diễn, thể hiện, Thất chặt, Có định, Xay, nghiền, Thao tác, điều khiển bằng tay, Đo lường, Sửa chữa, Tổ chức, Vẽ phác họa, ...	- Điều khiển xe đồ song song ở một nơi đồ có diện tích hẹp. - Thể hiện năng lực chơi đàn dương cầm thành thạo.
		Thích ứng	Thích ứng, Thay đổi, Sắp xếp lại, Tổ chức lại, Rà soát, điều chỉnh, ...	- Thích ứng nhanh chóng với các tình huống phát sinh. - Điều chỉnh cách hướng dẫn để đáp ứng yêu cầu người học.
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo	Phát minh	Sắp xếp, Xây dựng, Kết hợp, Sáng tạo, Kiến tạo, Thiết kế, Đề xướng, Chế tạo, Cải tiến, ...	- Sáng tạo một bài thể dục dụng cụ mới. - Thiết kế một chương trình đào tạo toàn diện hiệu quả. - Xây dựng được một phần mềm máy tính đơn giản.

Nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm: liên quan tới thái độ và giá trị của người học. Nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm được sử dụng để lượng hóa cho các chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Lượng hóa thang trình độ năng lực	Thang trình độ năng lực	Mức độ đối với nhóm thang đo năng lực tự chủ và trách nhiệm (Krathwohl, 1973)	Động từ sử dụng trong viết chuẩn đầu ra	Ví dụ
1	Có trải nghiệm qua hoặc gặp qua		Đã từng trải qua, Đã từng bắt gặp, ...	
2	Có thể tham gia vào và đóng góp	Tiếp nhận hiện tượng	Chấp nhận, Hỏi, Lựa chọn, Mô tả, Tuân theo, Đưa cho, Giữ, Xác định, Định vị, Kể tên, Chỉ ra, Lựa chọn, Phản hồi, Sử dụng, Lắng nghe, ...	- Lắng nghe những ý kiến thảo luận trái chiều một cách cởi mở. - Kể tên các thành viên mới được giới thiệu của nhóm.
3	Có thể hiểu và giải thích	Phản hồi hiện tượng	Trả lời, Hỗ trợ, giúp đỡ, Tuân theo, Thảo	- Cho ý kiến cá nhân khi thảo luận nhóm.

			luận, Chào đón, Giúp đỡ, Thể hiện, trình diễn, Thực hành, Trình bày, Đọc lại, thuật lại, Báo cáo, Lựa chọn, Cho ý kiến, Viết, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các thành viên trong nhóm hoàn thành công việc được giao. - Báo cáo kết quả sưu tầm, tìm hiểu tài liệu ở nhà.
4	Có kỹ năng trong thực hành hoặc triển khai trong	Nhận biết giá trị	Hoàn thành, Thể hiện, Phân biệt, Giải thích, Tuân theo, Hình thành, Đề xướng, Mời, Tham gia, Biện minh, Đề xuất, Đọc lại, Báo cáo, Chọn lựa, Chia sẻ, Học hỏi, Thực hiện, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kế hoạch để cải tiến chất lượng tự học. - Giải thích được việc cải tiến chương trình đào tạo là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng đào tạo.
5	Có thể lãnh đạo hoặc sáng tạo	Tổ chức	Tuân thủ, Thay đổi, Sắp xếp, Kết hợp, So sánh, Hoàn thành, Bảo vệ, Giải thích, Xây dựng, Khái quát hóa, Xác định, Tích hợp, Điều chỉnh, Sắp xếp theo trình tự, Tổ chức, Chuẩn bị, Liên hệ, Tổng hợp, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các giải pháp ưu tiên để việc tự học được tốt hơn. - Sắp xếp thời gian theo thứ tự ưu tiên một cách hiệu quả để đáp ứng yêu cầu của công việc, gia đình, bản thân.
		Tiếp thu giá trị	Hành động, Phân biệt, Thể hiện, Tác động, Lắng nghe, Điều chỉnh, Thực hiện, trình diễn, Thực hành, Đề xuất, Chất vấn, Rà soát, Phục vụ, Giải quyết, Xác minh, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết những xung đột giữa công việc và đời sống cá nhân để giữ được cân bằng trong đời sống. - Thể hiện năng lực làm việc độc lập. - Hành động tích cực trong việc xây dựng kế hoạch học tập.

Phụ lục III

CHUẨN ĐẦU RA CHUNG CỦA CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)*

I. TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN (3 tín chỉ)

- Kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về triết học Mác-Lênin; Hiểu được giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác-Lênin; từ đó hiểu được nền tảng chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Kỹ năng: Vận dụng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho việc rèn luyện năng lực tư duy để tiếp cận hiệu quả nội dung của các môn khoa học khác;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; có niềm tin và lý tưởng vào triết học Mác-Lênin để vận dụng vào cuộc sống và nghề nghiệp.

II. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN (2 tín chỉ)

- Kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản và có tính hệ thống về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức lý luận về kinh tế chính trị khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế-xã hội; hình thành được tư duy, tầm nhìn, và có thể đề xuất các giải pháp kinh tế cụ thể phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan và điều kiện cụ thể của đất nước ở từng thời kỳ nhất định.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; Có niềm tin vào đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam.

III. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

- Kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức về Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; Có năng lực vận dụng kiến thức về Chủ nghĩa xã hội khoa học vào cuộc sống và nghề nghiệp.

IV. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

- Kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

- Kỹ năng: Vận dụng được khả năng tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

- Kiến thức: Biết và hiểu được kiến thức cơ bản và có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá của Hồ Chí Minh; cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đường lối của Đảng và Nhà nước.

- Kỹ năng: Vận dụng xây dựng nền tảng đạo đức con người mới; chủ động tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối của Đảng và Nhà nước

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực làm việc độc lập và theo nhóm; Có lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân; Vận dụng được tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp.

Phụ lục IV
Mẫu Đề cương chi tiết học phần

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)*

ĐẠI HỌC HUẾ
TÊN TRƯỜNG/KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần/môn học (tiếng Việt):
- Tên học phần/môn học (tiếng Anh):
- Mã học phần:
- Thuộc chương trình đào tạo trình độ:, hình thức đào tạo:
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

- | | |
|----------------------------------|---|
| * Kiến thức chung trong toàn ĐHH | * Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo |
| * Kiến thức nhóm ngành | * Kiến thức ngành/chuyên ngành |
| * Chuyên đề/khóa luận/luận văn | * Kỹ năng nghề nghiệp |
| * Kỹ năng mềm | * Khác: |

- Số tín chỉ:

Ghi chú:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

- Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : tiết
- Tự học, tự nghiên cứu : tiết
- Bài tập : tiết
- Thảo luận : tiết
- Thực hành, thực tập : tiết
- Kiểm tra giữa kỳ : tiết

- Các học phần/môn học tiên quyết:

- Các học phần kế tiếp (những học phần học sau học phần này):

- Bộ môn phụ trách học phần:

2. Mô tả học phần (trình bày ngắn gọn khoảng 150 từ tóm tắt nội dung sẽ trang bị cho sinh viên, vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, mối quan hệ với các học phần khác)

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Mục tiêu của học phần gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học có được sau khi học học phần, mục tiêu phải viết rõ ràng có thể quan sát và đo được:

a) Kiến thức:

- + Nắm được kiến thức sâu rộng của ngành học;
- + Nắm được kiến thức cơ bản của các ngành học khác để hiểu và tiếp tục học tập;
- + Biết về sự thay đổi của xã hội, đặc biệt là xu hướng phát triển;
- + Nắm được kiến thức có thể phân tích, thảo luận và bình luận về những sự vật phức tạp.

b) Kỹ năng:

- + Có các kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp và có thể phát triển được;
- + Có kỹ năng làm việc với người khác;
- + Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;
- + Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt;
- + Có các kỹ năng tự phát triển giữa xu hướng thay đổi;
- + Đánh giá được cách dạy và học.

c) Mức tự chủ và trách nhiệm: *(Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học trong việc tổ chức, thực hiện một công việc và trách nhiệm của cá nhân với nhóm và cộng đồng)*

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- + Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- + Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Mục tiêu (1)	Mô tả (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (3)
MT1		
MT2		
MT3		
...		
MTn		

Ghi chú:

(1) Mục tiêu: Ghi rõ các mục tiêu của học phần theo các lĩnh vực năng lực chung và năng lực chuyên biệt (theo chuyên ngành đào tạo); giá định có 4 mục tiêu:

- (i). Kiến thức và lập luận ngành; (ii). Kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất; (iii). Kỹ năng giao tiếp (làm việc nhóm và giao tiếp); (iv). Hình thành ý

tưởng, thiết kế, thực hiện, vận hành sản phẩm/hệ thống trong bối cảnh doanh nghiệp/trường học, xã hội và môi trường (năng lực CDIO/năng lực thực hành nghề nghiệp/áp dụng kiến thức mang lại lợi ích cho xã hội).

(2) Mô tả: mô tả theo năng lực, khái quát, có thể chưa cụ thể (do đó còn gọi là mục tiêu chung của học phần)

(3) Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo: có thể ghi theo ký hiệu các CĐR chi tiết của CTĐT do học phần này đảm nhận (đối sánh với chuẩn đầu ra của CTĐT để xác định); dùng ký hiệu thống nhất với CĐR của CTĐT đã công bố.

Như vậy, CĐR của CTĐT là cơ sở để “định vị” mục tiêu của học phần.

4. Chuẩn đầu ra học phần/môn học:

CĐR Học phần (1)		Mô tả CĐR (Sau khi học xong phần này người học có thể:) (2)	CĐR Tham chiếu (3)
MT1	MT1.1		
	MT1.2		
	...		
	MT1.n		
MT2	MT2.1		
	MT2.2		
	...		
	MT2.n		
...	..		
MT4	MT4.1		
	MT4.2		
	...		T, U
	MT4.n		

Ghi chú:

- (1) Chuẩn đầu ra của học phần: có thể diễn tả dưới hai cấp độ (năng lực-ký hiệu MT1, MT2,..., MTn; và các thành tố của nó-ký hiệu MT1.1, MT1.2,..., MT1.n); giả định học phần này có 4 mục tiêu.
- (2) Mô tả: thể hiện chi tiết CĐR học phần ở mức độ quan sát, đánh giá được (tham khảo các động từ chỉ hành động của Bloom hoặc của Niemierko theo gợi ý của Nitco).
- (3) Chuẩn đầu ra tham chiếu: là CĐR của các CTĐT tiên tiến trong hoặc ngoài nước; có thể tham chiếu tiêu chuẩn kiểm định (đầu ra) theo ABET, AUN, CDIO,... Như vậy, CĐR của CTĐT là cơ sở để xác định mục tiêu của học phần và cũng là cơ sở để xác định CĐR của học phần.

5. Nội dung chi tiết học phần

Yêu cầu:

- Phù hợp với mục tiêu học phần, khối lượng học phần và trình độ đối tượng sinh viên;

- Thể hiện tính kế thừa, phát triển trên cơ sở những kiến thức sinh viên đã được trang bị;

- Thể hiện một phạm vi kiến thức tương đối trọn vẹn để có thể dễ dàng tổ chức giảng dạy và để sinh viên dễ dàng tích lũy trong một học kỳ;

- Nội dung chi tiết từng bài dạy ghi đầy đủ, rõ ràng;

- Hình thức tổ chức dạy học từng bài dạy trình bày hợp lý và khoa học;

- Trong hình thức tổ chức dạy học mô tả các nhiệm vụ của sinh viên đầy đủ và thể hiện được vai trò hướng dẫn cho sinh viên trong quá trình theo học;

- Trình bày theo mẫu quy định thống nhất.

Trình bày:

Nội dung chi tiết học phần (ghi tên các phần, chương, mục, tiểu mục... vào cột (1)) và **phân bổ thời gian** (ghi số tiết hoặc giờ trong các cột (2), (3), (4), (5), (6) và (7))

Nội dung (Ghi chi tiết đến từng bài dạy của từng chương)	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Tổng
	Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực tập..	SV tự nghiên cứu, tự học.	
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1.						
1.1.						
1.2.						
...						

Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

Đây là thông tin rất quan trọng đối với giảng viên, sinh viên và người quản lý. Do đặc thù của hình thức tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu: lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu.

Do vậy, ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. Lưu ý rằng, để chuẩn bị cho 1 giờ lý thuyết sinh viên cần 2 giờ chuẩn bị ở nhà, cho 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị, hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu (cho 1 giờ tín chỉ ở mỗi hình thức dạy học). Số giờ tín chỉ ứng với mỗi hình thức tổ chức dạy – học của học phần, giảng viên ghi chi tiết thời gian, địa điểm tiến hành các hình thức dạy học, nội dung chính của hoạt động đó, công việc sinh viên cần làm trước khi đến lớp.

Để làm việc này, căn cứ việc chia nội dung học phần thành các vấn đề và mục tiêu cần đạt được của mỗi vấn đề tìm các hình thức tương ứng để giải quyết vấn đề đó

trong từng thời gian.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học (số tiết)	CDR (3)
Tuần 1	Chương 1:	1. Các nội dung học tập trên lớp (Nội dung	
	1.1. ...	“phải biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...)	
	1.2. ...	a) Nội dung 1. ... 2. n. ... b) Tóm tắt phương pháp dạy học - 2. Các nội dung tự học ở nhà (Nội dung “nên biết” và “có thể biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...) a) Nội dung 1. ... 2. n. ... b) Tài liệu học tập cần thiết (ghi cụ thể) -	
Tuần 2	Chương 2: ...	1. Các nội dung học tập trên lớp (Nội dung	
	2.1. ...	“phải biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...)	
	2.2. ...	a) Nội dung 1. ... 2. n. ... b) Tóm tắt phương pháp dạy học - 2. Các nội dung tự học ở nhà (Nội dung “nên biết” và “có thể biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...) a) Nội dung 1. ... 2. n. ...	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học (số tiết)	CĐR (3)
		b) Tài liệu học tập cần thiết (ghi cụ thể) -	
...	Chương	
Tuần 15	Ôn tập	<p>1. Các nội dung ôn tập trên lớp (Nội dung “phải biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...)</p> <p>a) Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ôn tập, hệ thống hoá môn học. 2. SV hoàn chỉnh các Bài tập và nộp tiểu luận. <p>...</p> <p>n. ...</p> <p>b) Tóm tắt phương pháp dạy học</p> <p>-</p> <p>2. Các nội dung tự học ở nhà (Nội dung “nên biết”; bao gồm lý thuyết, vận dụng: bài tập, thực hành, thảo luận,...)</p> <p>a) Nội dung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ôn tập, tóm tắt đề cương ôn tập môn học 2. Hoàn thành các bảng tổng kết, bài tập <p>...</p> <p>n. ...</p> <p>b) Tài liệu học tập cần thiết (ghi cụ thể)</p> <p>-</p>	

Ghi chú:

- (1) Tuần: Ghi theo thứ tự tuần lễ trong học kỳ; giả định học kỳ gồm 15 tuần, trong đó có tuần có thể có bài/các bài kiểm tra theo quy chế.
- (2) Chương: Ghi rõ tên chương, mục hoặc bài (nội dung học tập trên lớp, tự học ở nhà và cách thức, phương tiện/học liệu cần thiết).
- (3) Chuẩn đầu ra: ghi ký hiệu các CĐR của học phần như đã nêu ở bảng CĐR ở mục trên.

Như vậy, CĐR của học phần là cơ sở để xác định nội dung (chi tiết) của học phần. Nghĩa là nội dung (chi tiết) của học phần được xác định dựa trên CĐR của CTĐT.

6. Học liệu

6.1. Học liệu bắt buộc

[1] ...

[2] ...

Ghi chú: Học liệu bắt buộc không nên quá 02 tài liệu

6.2. *Học liệu không bắt buộc*

[3] ...

[4] ...

7. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, trau dồi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận, đề án học phần; các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên Internet)...

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Đối với học phần lý thuyết hoặc vừa lý thuyết vừa thực hành

a) Kiểm tra – đánh giá quá trình: Có trọng số tối đa là **50%**, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau (việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của từng phần do giảng viên đề xuất, Tổ trưởng bộ môn đã thông qua):

- Điểm chuyên cần: ...% (*không quá 10%*)

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, Semina, Bài tập:%

- Điểm giữa kỳ:%

- Điểm cuối kỳ:%

- Điểm đánh giá khối lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (hoàn thành tốt nội dung, nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân/tuần; bài tập nhóm/tháng; bài tập cá nhân/học kì,...)...

b) Điểm thi kết thúc học phần: Điểm thi kết thúc học phần có trọng số tối thiểu là **50%**

- Hình thức thi (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức*):

- Thời lượng thi: phút

- Sinh viên được tham khảo tài liệu hay không khi thi:

9.2. Đối với học phần thực hành:

- Tiêu chí đánh giá các bài thực hành:

- Số lượng và trọng số của từng bài thực hành:

9.3. Đối với học phần đề án hoặc bài tập lớn:

- Tiêu chí đánh giá, cách tính điểm cụ thể:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

Bảng tổng hợp hình thức kiểm tra (tùy theo các loại học phần):

Hình thức kiểm tra (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Thời điểm (3)	Công cụ (4)	CDR KT (5)	Tỷ lệ (%) (6)
	Bài tập				
BT1					
BT2					
...					
BTn					
	Tiểu luận/Kiểm tra giữa kỳ				
...				
	Thi cuối kỳ				
				

Ghi chú:

- (1) Hình thức kiểm tra: Ghi rõ bài tập, bài trình chiếu/thảo luận, bài tập, tiểu luận; hình thức nộp bài kiểm tra (bài viết/in, qua hộp thư điện tử,...).
- (2) Nội dung kiểm tra: Ghi rõ nội dung học phần sẽ kiểm tra.
- (3) Thời điểm kiểm tra: Ghi rõ tuần thực hiện.

10. Thông tin về giảng viên**a. Giảng viên 1**

Họ tên:

Chức danh, học hàm, học vị:

Đơn vị (Khoa/Bộ môn/Trường):

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

b. Giảng viên 2

Họ tên:

Chức danh, học hàm, học vị:

Đơn vị (Khoa/Bộ môn/Trường):

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

11. Ngày phê duyệt:**Trưởng Khoa***(Ký, Họ tên)***Trưởng Bộ môn***(Ký, Họ tên)***Giảng viên***(Ký, Họ tên)*

Phụ lục VI

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)

Mã số phiếu:

- Nêu rõ lý do, mục đích, mục tiêu xin ý kiến (nói rõ muốn thông tin gì ở người được hỏi?)

Ngày thu thập thông tin: /.... /.....

Phương pháp thu thập thông tin: Điện thoại Email Phòng vấn trực tiếp

Phần 1- Thông tin chung về cơ quan/tổ chức/cá nhân cung cấp thông tin

A. Thông tin chung về người cung cấp thông tin

- Họ và tên:
- Năm sinh:..... Giới tính: Nam Nữ
- Trình độ học vấn: Tiến sĩ Thạc sĩ Cử nhân Khác
- Nghề nghiệp: Chức vụ (nếu có):.....
- Điện thoại: Email:.....

B. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức

- Tên đơn vị/tổ chức:.....
.....
- Địa chỉ
Điện thoại:..... Email:.....
- Đơn vị/tổ chức thuộc thành phần/ngành nào?
Quản lý Nhà nước
Khu vực viện nghiên cứu, trường đại học
Khu vực kinh tế nhà nước
Khu vực kinh tế tư nhân
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
Các tổ chức quốc tế, NGOs...
Thành phần khác.....
- Đơn vị/tổ chức thuộc lĩnh vực/ngành nào?
Nông - Lâm - Thủy sản
Công nghiệp – Xây dựng
Thương mại, du lịch, khách sạn – nhà hàng
Giao thông, vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc
Tài chính, tín dụng
Giáo dục, y tế, KH&CN, kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn
Văn hóa, nghệ thuật, thể thao, xã hội nhân văn
Quản lý Nhà nước, an ninh, quốc phòng
Các lĩnh vực khác.....
- Tổng số nhân lực: Nhỏ hơn 30 30-100 100-300 Trên 300
- Năm thành lập:

12. Đơn vị/tổ chức của Ông/Bà cần nhân sự liên quan đến lĩnh vực (ngành đào tạo) ở các vị trí nào? Với từng vị trí đó, doanh nghiệp/tổ chức yêu cầu người xin việc phải có kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như thế nào?

STT	Vị trí – Phòng/ban	Yêu cầu		
		Về kiến thức	Về kỹ năng	Về tự chủ và trách nhiệm
1				
2				

13. Theo Ông/Bà, sinh viên ngành ra trường có thể làm trong những lĩnh vực nào?

.....

14. Theo Ông/Bà, sinh viên ngành ra trường có thể làm ở những vị trí công tác cụ thể nào (ứng với từng lĩnh vực mà ông/bà đã lựa chọn ở trên?)

STT	Lĩnh vực	Vị trí công tác
1		
2		

Phần 2 - Đánh giá các kỹ năng, năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành

15. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết của các kỹ năng cứng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành.....? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

Theo Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành đang làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của quý ông/bà (nếu có) đã đạt được các kỹ năng cứng ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn).

STT	Các kiến thức, kỹ năng và năng lực	Mức độ cần thiết <i>1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết</i>	Mức độ đạt được <i>1. Biết, 2. Hiểu & ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá & sáng tạo</i>
A	Kiến thức		
1	Kiến thức giáo dục chính trị 1.1. 1.2.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
2	Kiến thức an ninh quốc phòng 1.1. 1.2.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...
3	Kiến thức lĩnh vực nghề nghiệp 1.1. 1.2.	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...	1 2 3 4 5 1 2 3 4 5 ...

STT	Các kiến thức, kỹ năng và năng lực	Mức độ cần thiết <i>1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết</i>	Mức độ đạt được <i>1. Biết, 2. Hiểu & ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá & sáng tạo</i>
4	Kiến thức nhóm ngành nghề 1.1. 1.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
5	Kiến thức chuyên sâu ngành nghề 1.1. 1.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
B	Kỹ năng		
1	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề 1.1. 1.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
2	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức 2.1. 2.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
3	Kỹ năng tư duy hệ thống 3.1. 3.2.		
4	Kỹ năng nghề nghiệp 4.1. 4.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
5	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ 5.1. 5.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
6	Kỹ năng công nghệ thông tin 6.1. 6.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...
7	Kỹ năng mềm 7.1. 7.2.	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...	❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ❶ ❷ ❸ ❹ ❺ ...

STT	Các kiến thức, kỹ năng và năng lực	Mức độ cần thiết <i>1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Không biết, 4. Cần thiết, 5. Rất cần thiết</i>	Mức độ đạt được <i>1. Biết, 2. Hiểu & ứng dụng, 3. Phân tích, 4. Tổng hợp, 5. Đánh giá & sáng tạo</i>
C	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
1	Tự chủ và trách nhiệm cá nhân 1.1. 1.2.	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
2	Tự chủ và trách nhiệm với nghề nghiệp 2.1. 2.2.	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...
3	Tự chủ và trách nhiệm với xã hội 3.1. 3.2.	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...	① ② ③ ④ ⑤ ① ② ③ ④ ⑤ ...

16. Ngoài các kỹ năng, năng lực đã được liệt kê trong câu hỏi 15, theo Ông/Bà, một sinh viên tốt nghiệp ngành cần có thêm các kỹ năng nào?

Xin vui lòng ghi rõ các kỹ năng đó

.....

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục VII
PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHH ngày tháng 4 năm 2022
của Giám đốc Đại học Huế)

Tên chương trình:

Họ và tên người đánh giá:

Đơn vị:

Phần A: MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

- Chương trình:

- Đánh giá:

Phần B: GIỚI THIỆU VỀ CHUẨN ĐẦU RA

Phần C: ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Phần này liệt kê bản chuẩn đầu ra chi tiết đến cấp độ X.x.x. Xin Ông/Bà cho ý kiến nhận xét cụ thể cho từng phần trong bản chuẩn đầu ra này.

1	KIẾN THỨC
Chương trình:	
Đánh giá:	

2	KỸ NĂNG
Chương trình:	
Đánh giá:	

3	NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM
Chương trình:	
Đánh giá:	

Phần D: ĐÁNH GIÁ CHUNG CHUẨN ĐẦU RA

Với bản chuẩn đầu ra chi tiết của chương trình đào tạo được liệt kê ở Phần C, xin Ông/Bà đánh giá tổng thể bằng cách cho điểm ở từng mục trong bảng dưới đây. Thang điểm từ 1 đến 5, với 5 là điểm số cao nhất – hoàn toàn đáp ứng được tiêu chí, và 1 là điểm thấp nhất – không đáp được tiêu chí.

T T	Tiêu chí	1	2	3	4	5
1	Mục tiêu đào tạo có phù hợp với sứ mạng của trường và sinh viên tốt nghiệp từ chương trình với sự giáo dục khoa học và nghề nghiệp họ có thể thành công trong công việc nói chung và nhất là trong ngành.					
2	Phần “Kiến thức” thể hiện được đặc điểm riêng của ngành đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của người học và thị trường lao động.					
3	Phần “Kỹ năng” phù hợp với các yêu cầu doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của người học.					
4	Phần “Năng lực tự chủ và trách nhiệm” phù hợp với các yêu cầu xã hội, doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của người học					
5	Mô tả rõ ràng những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học phải có, nắm vững và thực hiện được sau khi hoàn tất chương trình.					
6	Mục tiêu có thể đo lường được, chứng minh được và đánh giá được mức độ đáp ứng của từng yêu cầu.					
NHẬN XÉT CHUNG:						

....., ngày ... tháng ... năm ...

Ký tên

(Ghi rõ họ và tên)